

Số: /BC-STC  
V/v báo cáo kết quả thực hiện  
công tác CCHC Quý III/2024

Quảng Bình, ngày tháng năm 2024

Kính gửi: Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình

Thực hiện quy định về chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ, Sở Tài chính báo cáo kết quả thực hiện cải cách hành chính (CCHC) Quý III/2024, như sau:

## I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

### 1. Về công tác chỉ đạo, điều hành Cải cách hành chính (CCHC)

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của cấp trên, trong Quý III/2024, Sở Tài chính tiếp tục tổ chức quán triệt, triển khai các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác CCHC trong nội bộ Sở<sup>1</sup> tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (CBCCVC).

Tiến độ thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2024: Kế hoạch CCHC năm 2024 của Sở đề ra 36 nhiệm vụ cụ thể triển khai trên toàn diện các lĩnh vực CCHC: (1) Công tác chỉ đạo điều hành; (2) Cải cách thể chế; (3) Cải cách thủ tục hành chính; (4) Cải cách tổ chức bộ máy; (5) Cải cách công vụ; (6) Cải cách tài chính công; (7) Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, đến nay đã hoàn thành 27 nhiệm vụ.

### 2. Về kiểm tra công tác CCHC

Sở Tài chính đã ban hành Kế hoạch số 304/KH-STC ngày 26/01/2024 về kiểm tra CCHC năm 2024, theo đó việc kiểm tra công tác CCHC dự kiến được thực hiện đối với tất cả các phòng, đơn vị thuộc Sở trong Quý IV/2024.

### 3. Về công tác tuyên truyền CCHC

Việc triển khai công tác tuyên truyền CCHC được thông qua các cuộc họp giao ban cốt cán, buổi sinh hoạt chi bộ, đăng tải 16 tin, bài... trên Trang thông tin điện tử của Sở nhằm phổ biến, tuyên truyền đầy đủ, kịp thời đến toàn thể CBCCVC các văn bản QPPL đã được rà soát, sửa đổi, bổ sung, các TTHC đã được đơn giản hóa, ban hành mới; các giải pháp nhằm duy trì chỉ số CCHC của Sở, của tỉnh; các văn bản chỉ đạo về giải pháp cải thiện, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

## II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG CÔNG TÁC CCHC

<sup>1</sup> Công văn số 2345/STC-HCSN ngày 15/7/2024 về phối hợp thực hiện đẩy mạnh CCHC, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2024 của tỉnh Quảng Bình theo Kế hoạch số 56/KH-BCĐCCHC ngày 16/4/2024 của Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh năm 2024; Công văn số 2328/STC-VP ngày 01/8/2024 về triển khai các giải pháp cải thiện Chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PAPI của tỉnh; Công văn số 2345/STC-HCSN ngày 02/8/2024 về phối hợp thực hiện đẩy mạnh CCHC, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2024 của tỉnh Quảng Bình; Công văn số 2386/STC-VP ngày 08/8/2024 về thực hiện Thông báo số 3495/TB-VPUBND ngày 24/7/2024 của Văn phòng UBND tỉnh Quảng Bình về Kết luận của đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh Hoàng Xuân Tân tại phiên họp Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh và Tổ Công tác triển khai Đề án 06 tỉnh Quý II/2024.

## 1. Cải cách thể chế

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật (QPPL):

Quý III/2024, Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành 01 văn bản QPPL<sup>2</sup>. Tiếp tục tham mưu trình UBND tỉnh ban hành 01 dự thảo văn bản QPPL và đang gửi lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị có liên quan đối với 01 dự thảo văn bản QPPL để hoàn thiện dự thảo trước khi trình UBND tỉnh ban hành.

b) Tình hình triển khai rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL, xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát:

Sở tham mưu ban hành Công văn số 2108/STC-VP ngày 12/7/2024 về thực hiện công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL và pháp điển hệ thống QPPL. Theo đó, quán triệt đến tất cả các phòng, đơn vị thuộc Sở chủ động công tác kiểm tra, rà soát các văn bản QPPL thuộc phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực tài chính gắn với yêu cầu, giải pháp của Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh về chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh và yêu cầu quản lý ngành, lĩnh vực của bộ, ngành Trung ương. Đẩy mạnh công tác xử lý văn bản trên cơ sở kết quả rà soát, trong đó chú trọng việc xử lý văn bản để phục vụ triển khai “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030”. Kịp thời phát hiện để kiến nghị xử lý văn bản có quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, không phù hợp thực tiễn.

Thực hiện Công văn số 1764/STP-XDKTVB ngày 01/7/2024 của Sở Tư pháp về việc tham mưu rà soát văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) theo Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 18/6/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô, Sở Tài chính đã tổ chức rà soát 16 văn bản QPPL, thuộc 05 lĩnh vực, gồm: ngân sách nhà nước; đầu tư; phí, lệ phí; tài sản nhà nước; tài chính doanh nghiệp, trong đó có: 06 Luật của Quốc hội, 01 Nghị quyết của Quốc hội; 05 Nghị định của Chính phủ; 03 Thông tư của Bộ Tài chính; 01 Thông tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Qua rà soát, phát hiện, có 02 văn bản QPPL có quy định vướng mắc, trong đó có 01 Nghị định của Chính phủ và 01 Thông tư của Bộ Tài chính, Sở đã tổng hợp đưa ra đề xuất kiến nghị, hướng xử lý để tháo gỡ các quy định vướng mắc.

Đồng thời, đề nghị Sở Tư pháp tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kiến nghị cấp có thẩm quyền có các biện pháp bảo vệ cán bộ đối với các thành viên tham gia Hội đồng định giá tài sản khi các thành viên đã làm đúng trách nhiệm, nghĩa vụ và thẩm quyền nhưng không đủ cơ sở để xác định giá, phải từ chối việc định giá do có phát sinh khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện, tạo cơ chế “khép kín”, là kẻ hở, “lỗ hổng”, dễ bị lợi dụng, lạm dụng để vi phạm pháp luật, tham nhũng, tiêu cực đối với 01 Nghị định của Chính phủ.

<sup>2</sup> Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 22/7/2024 của UBND tỉnh về quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại một số cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình

c) Việc triển khai các văn bản QPPL của Trung ương, UBND tỉnh ban hành trên các lĩnh vực thuộc quản lý của ngành: Sở Tài chính nghiêm túc triển khai các văn bản QPPL của Trung ương, UBND tỉnh tới toàn thể CBCCV, người lao động.

d) Phổ biến, giáo dục pháp luật: Sở đã ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật: Công văn số 2000/STC-VP ngày 02/01/2024 về việc thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật tháng 7/2024; Công văn số 2360/STC-VP ngày 05/8/2024 về việc thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật tháng 8/2024; tăng cường công tác tuyên truyền, giới thiệu và hướng dẫn khai thác, sử dụng Bộ pháp điển, kết quả pháp điển; phát động tới toàn thể CBCCV tham gia 02 cuộc thi trực tuyến, 01 cuộc thi sáng tác kịch bản sân khấu tuyên truyền về giá trị gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình năm 2024

## **2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)**

a) Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết:

Hiện nay, tổng số TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở: 28 TTHC (14 TTHC liên thông cấp tỉnh; 08 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính; 06 TTHC cấp huyện).

Tất cả các TTHC được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở, trên cổng dịch vụ công của tỉnh và tại Bộ phận “tiếp nhận và trả kết quả” của cơ quan.

Việc niêm yết các TTHC được Sở thực hiện nghiêm túc: Công khai về trình tự, thời gian xử lý, lệ phí, thành phần hồ sơ, cơ sở pháp lý thực hiện TTHC... tạo thuận lợi cho tổ chức và công dân tìm hiểu, thực hiện thủ tục nhanh chóng

Việc công khai địa chỉ, số điện thoại, hộp thư và kết quả thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC tại cơ quan thực hiện đảm bảo đúng theo quy định.

b) Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

Sở đã triển khai việc giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh (phiên bản mới), tổ chức triển khai hiệu quả việc đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo đúng mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ và giải pháp nêu tại Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Quý III/2024, Sở đã tiếp nhận 226 hồ sơ, trong đó: trực tuyến 200 hồ sơ; trực tiếp 26 hồ sơ (đạt tỷ lệ 88% hồ sơ trực tuyến/tổng hồ sơ tiếp nhận); số hồ sơ đã giải quyết 221 hồ sơ; số hồ sơ đang giải quyết chưa đến hạn 05 hồ sơ; không có hồ sơ nào quá hạn xử lý.

Thực hiện Công văn số 646/UBND-KSTT ngày 15/4/2024 của UBND tỉnh về kiểm tra, xử lý dứt điểm các hồ sơ quá hạn đang xử lý được tích hợp lên Cổng Dịch vụ công (DVC) quốc gia, định kỳ hàng tháng Sở trích xuất kết quả giải quyết TTHC để theo dõi và chỉ đạo các phòng, đơn vị báo cáo giải trình nguyên nhân, biện

pháp xử lý từng hồ sơ quá hạn đang giải quyết (nếu có) nhằm chấm dứt tình trạng xử lý hồ sơ TTHC chậm trễ, quá hạn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và của Bộ được kết nối, đồng bộ lên Cổng DVC quốc gia. Sau khi rà soát, đối chiếu, trích suất số liệu trên Cổng DVC quốc gia trong Quý III/2024, Sở Tài chính không có hồ sơ TTHC nào giải quyết quá hạn tích hợp lên Cổng DVC quốc gia cần xử lý.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy**

3.1. Rà soát vị trí, chức năng, nhiệm vụ quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của cơ quan và các đơn vị thuộc Sở

a) Tình hình triển khai các quy định của Chính phủ về tổ chức bộ máy

Sở đã triển khai và thực hiện đầy đủ các quy định về tổ chức bộ máy. Các phòng và đơn vị đã bám sát chức năng nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện công tác chuyên môn theo đúng thẩm quyền, tham mưu với Lãnh đạo Sở triển khai thực hiện tốt các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của Sở.

b) Tình hình triển khai thực hiện quy chế của cơ quan

Để các hoạt động của cơ quan thực hiện có nề nếp, theo đúng các quy định, Sở đã ban hành và thực hiện quy chế làm việc, nội quy cơ quan, các quy chế quản lý tài sản, chức năng nhiệm vụ của từng phòng... việc triển khai thực hiện các nội quy, quy chế luôn được Lãnh đạo Sở quan tâm chỉ đạo và yêu cầu CBCCVC và người lao động cơ quan thực hiện nghiêm túc đồng thời thường xuyên rà soát sửa đổi, bổ sung các nội quy, quy chế theo quy định.

c) Quản lý và sử dụng biên chế công chức, viên chức:

Năm 2024, Sở được giao 67 biên chế (49 công chức, 18 viên chức). Đến thời điểm báo cáo, Sở có 48 công chức, 17 viên chức.

3.2. Thực hiện phân cấp quản lý cán bộ

Sở tiếp tục rà soát các quy định về phân cấp quản lý về CCVCNLD theo đúng quy định. Hiện nay, việc thực hiện các quy định về phân cấp quản lý và bổ nhiệm công chức, viên chức thuộc thẩm quyền của Sở Tài chính tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 50/QĐ-STC ngày 26/3/2024.

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, các phòng, đơn vị phân công nhiệm vụ tới từng CBCCVC đảm bảo rõ ràng, không có sự chồng chéo.

### **4. Cải cách chế độ công vụ**

a) Kết quả thực hiện tuyển dụng, hiện bổ nhiệm, đề bạt CBCCVC

Quý III/2024, Sở thực hiện các quy trình thực hiện bổ nhiệm chức vụ Giám đốc tại Trung tâm Tin học và Dịch vụ Tài chính.

b) Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của CBCCVC

Lãnh đạo Sở chỉ đạo các phòng, đơn vị thuộc Sở quán triệt CBCCVC và người lao động thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TU ngày 28/02/2022 về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hóa công sở, nghiêm túc chấp hành kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm thực thi công vụ, thái độ giao tiếp, ứng xử, phục vụ nhân dân.

Tổ chức kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hóa công sở. Quý III/2024, không có CBCCVC bị kỷ luật.

### **5. Cải cách tài chính công**

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc cơ chế tự chủ, luôn đề cao tinh thần tiết kiệm, sử dụng ngân sách có hiệu quả, đúng mục đích theo tinh thần của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

Việc mua sắm tài sản nhà nước đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

Giám sát, kiểm tra thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ đúng theo quy định.

### **6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số**

Sở Tài chính đã đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông cấp mới 01 tài khoản, hủy bỏ 13 tài khoản đã cấp trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh nhưng không thường xuyên đăng nhập vào hệ thống nhằm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin theo Đề án 06.

Tiếp tục chỉ đạo tăng cường, nâng cao hiệu quả khai thác các phần mềm ứng dụng CNTT vào trong công việc, tăng cường sử dụng: hệ thống quản lý văn bản và điều hành; hệ thống thông tin báo cáo định kỳ về tình hình KT-XH phục vụ sự chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh; hệ thống thư điện tử công vụ; sử dụng chữ ký số chuyên dùng do Ban Cơ yếu Chính phủ cấp trong việc ký số văn bản để đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên môi trường mạng, hệ thống thông tin điện tử một cửa điện tử của tỉnh...

Tiếp tục nâng cao cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần, toàn trình tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC. Quý III/2024, Sở tham mưu UBND tỉnh ban hành 02 quy trình thực hiện DVCTT một phần đối 02 TTHC cấp tỉnh, 02 TTHC cấp huyện.

Trang thông tin điện tử của Sở luôn thường xuyên rà soát, cập nhật kịp thời tin tức và cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước phục vụ cho việc khai thác thông tin của tổ chức cá nhân.

## **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Lãnh đạo Sở thường xuyên kiểm tra, giám sát, chỉ đạo quyết liệt, đôn đốc việc thực hiện CCHC; phổ biến, cụ thể hoá kịp thời các chủ trương, văn bản pháp luật về công tác CCHC đến từng CBCCVC và người lao động trong thực thi nhiệm vụ. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý góp phần tích cực vào việc giảm bớt phiền hà trong giải quyết công việc của công dân, tổ chức và doanh nghiệp.

Chất lượng giải quyết TTHC được nâng cao. Cơ chế một cửa tiếp tục được duy trì, mở rộng, nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết TTHC cho người dân,

tổ chức. Đã tăng cường đánh giá mức độ hài lòng của công dân, tổ chức, lấy đó làm thước đo về chất lượng phục vụ của cơ quan.

#### **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ IV NĂM 2024**

1. Tham mưu UBND tỉnh công bố 02 TTHC ban hành mới, bãi bỏ 02 TTHC theo Quyết định công bố của Bộ Tài chính.

2. Thực hiện rà soát, đơn giản 21 TTHC nội bộ đạt tỷ lệ tối thiểu 22% theo Kế hoạch số 2023/KH-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh về rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

3. Thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC đạt tỷ lệ tối thiểu 80%; số hóa đạt tỷ lệ 100% các kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực và lưu trữ bằng văn bản giấy nhưng chưa thực hiện số hóa; cập nhật đầy đủ số liệu, báo cáo thuyết minh theo Quyết định số 3013/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của UBND tỉnh ban hành Bộ chỉ tiêu tổng hợp và Chế độ báo cáo định kỳ về tình hình kinh tế-xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh Quảng Bình;

4. Thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về công tác CCHC lên Trang thông tin điện tử của Sở.

5. Tiếp tục thực hiện tốt Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

*(Kèm theo các Biểu mẫu)*

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện công tác CCHC Quý III/2024 và phương hướng, nhiệm vụ Quý IV/2024, Sở Tài chính báo cáo Sở Nội vụ./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Website Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Trần Anh Tuấn**

**BIỂU MẪU 1****Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC***(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng 9 năm 2024 của Sở Tài chính)*

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số liệu</b>
<b>1.</b>	<b>Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành</b>	<b>Văn bản</b>	04
<b>2.</b>	<b>Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC</b>	<b>%</b>	75%
2.1.	Số nhiệm vụ trong Kế hoạch	Nhiệm vụ	36
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	27
<b>3.</b>	<b>Kiểm tra CCHC</b>		
3.1.	Số phòng, đơn vị đã kiểm tra	Phòng, đơn vị	0
3.2.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	
3.2.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	
3.2.2.	Số vấn đề đã xử lý xong	Vấn đề	
<b>4.</b>	<b>Thanh tra việc thực hiện quy định tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy</b>		0
4.1.	Số phòng, đơn vị được thanh tra	%	
4.2.	Số phòng, đơn vị đã hoàn thành kết luận thanh tra	%	
<b>5.</b>	<b>Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức</b>	<b>Có=1; Không=0</b>	0
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Phiếu	
5.2.	Hình thức khảo sát		
<b>6.</b>	<b>Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp</b>	<b>Có = 1 Không = 0</b>	0

**BIỂU MẪU 2**  
**Cải cách thể chế**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng 9 năm 2024 của Sở Tài chính)*

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số liệu</b>
<b>1.</b>	<b>Tổng số VBQPPL do Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh ban hành hoặc tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành</b>	<b>Văn bản</b>	<b>1</b>
<b>2.</b>	<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>		<b>0</b>
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	
<b>3.</b>	<b>Rà soát VBQPPL</b>		
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản	17
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0

**BIỂU MẪU 3**  
**Cải cách thủ tục hành chính**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng 9 năm 2024 của Sở Tài chính)

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số liệu</b>
<b>1.</b>	<b>Thống kê thủ tục hành chính (TTHC)</b>		
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	Thủ tục	28
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp tỉnh</i>	<i>Thủ tục</i>	22
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp huyện</i>	<i>Thủ tục</i>	6
1.4.3.	<i>Số TTHC cấp xã</i>	<i>Thủ tục</i>	0
<b>2.</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>		
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	22
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	0
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	1
<b>3.</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>		
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn	%	100%
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	221
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	221
3.2.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	
3.2.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>	0
3.2.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>	0

**BIỂU MẪU 4****Cải cách tổ chức bộ máy***(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng 9 năm 2024 của Sở Tài chính)*

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số liệu</b>
<b>1.</b>	<b>Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy</b>		
1.1.	Tỷ lệ hoàn thành việc sắp xếp các phòng, đơn vị đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100%
1.2.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNNCL)	Đơn vị	01
<b>2.</b>	<b>Biên chế công chức</b>		
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	49
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	48
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc theo NĐ 111	Người	4
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0
2.5.	Tỷ lệ phân trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	
<b>3.</b>	<b>Số người làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập</b>		
3.1.	Tổng số viên chức được giao	Người	18
3.2.	Tổng số viên chức có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	17
3.3.	Tổng số viên chức hưởng lương từ NSNN có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	10
3.4.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	
3.5.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	

**BIỂU MẪU 5****Cải cách chế độ công vụ***(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng 9 năm 2024 của Sở Tài chính)*

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số liệu</b>
<b>1.</b>	<b>Vị trí việc làm công chức, viên chức</b>		
1.1.	Số cơ quan hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan	1
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Đơn vị	1
<b>2.</b>	<b>Tuyển dụng công chức, viên chức</b>		0
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	
2.3.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	
<b>3.</b>	<b>Số lượng lãnh đạo, quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (từ đầu năm đến nay)</b>		0
<b>4.</b>	<b>Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)</b>		0

**BIỂU MẪU 6****Cải cách tài chính công***(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng 9 năm 2024 của Sở Tài chính)*

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số liệu</b>
<b>1.</b>	<b>Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công</b>	<b>%</b>	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	0
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	
<b>2.</b>	<b>Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (lũy kế đến thời điểm báo cáo)</b>		
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập	Đơn vị	1
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	0
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	0
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	1
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	1
2.5.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Đơn vị	0

**BIỂU MẪU 7****Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số***(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng 9 năm 2024 của Sở Tài chính)*

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số liệu</b>
<b>1.</b>	<b>Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến</b>	Chưa có = 0 Có = 1	1
<b>2.</b>	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>		
2.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến một phần	%	18%
2.1.1.	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến một phần</i>	<i>Thủ tục</i>	5
2.1.2.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần</i>	<i>Thủ tục</i>	5
2.1.3.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	2
2.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình	%	82%
2.2.1.	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến toàn trình</i>	<i>Thủ tục</i>	23
2.2.2.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình</i>	<i>Thủ tục</i>	16
2.2.3.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	2
<b>3</b>	<b>Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến một phần, toàn trình đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</b>	%	100%
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến một phần, toàn trình ( <i>Chỉ thống kê đối với các TTHC một phần, toàn trình có phát sinh hồ sơ</i> )	%	88%
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	<i>Hồ sơ</i>	226
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>	200
3.2.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	
3.2.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)</i>	<i>Thủ tục</i>	0
3.2.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>	0